ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 187/2026/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1337/TTr-SNV ngày 07 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (*sau đây gọi chung là sở*).

2. Phòng và tương đương thuộc sở.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Tiêu chí chung và các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tiêu chí chung được chấm tối đa là 30 điểm (*trong thang điểm 100*), cụ thể gồm:

a) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường *(tối đa 10 điểm)*.

b) Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức *(tối đa 10 điểm)*.

c) Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (*nếu có*) *(tối đa 10 điểm)*.

2. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ, được chấm tối đa là 70 điểm (*trong thang điểm 100*), cụ thể gồm:

a) Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật *(tối đa 10 điểm)*.

b) Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh *(tối đa 30 điểm)*.

c) Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản *(tối đa 05 điểm)*.

d) Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (*nếu có*) *(tối đa 05 điểm)*.

đ) Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (*nếu có*) *(tối đa 05 điểm)*.

e) Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị *(tối đa 05 điểm)*.

g) Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (*nếu có*) *(tối đa 05 điểm)*.

h) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (*nếu có*) *(tối đa 05 điểm).*

3. Nội dung, thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Phòng và tương đương thuộc sở, thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng cơ quan theo quy định tại Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức và quy định tại Quyết định này.

2. Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xem xét, công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các phòng và tổ chức tương đương thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) Tổ chức tự đánh giá, đề xuất mức xếp loại chất lượng cơ quan theo quy định và gửi hồ sơ đề nghị công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng về Sở Nội vụ trước ngày 10/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực và chính xác của hồ sơ, tài liệu và kết quả tự đánh giá.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- Như khoản 3 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (LG), M.A2034/9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lữ Quang Ngời